

Số: /TTr-STC

Kiên Giang, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Sở Tài chính xin trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH VĂN BẢN:

Căn cứ Luật Giá số ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Công văn số 423/VP-KT ngày 15/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc xây dựng Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.

Tại Phụ lục số 02 – Danh mục hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá (Ban hành kèm theo Luật Giá năm 2023), giá nước sạch do UBND cấp tỉnh quy định giá cụ thể.

Theo điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính, quy định:

“2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

b) Căn cứ khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá quy định tại Thông tư này, điều kiện phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, thu nhập của người dân và thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch của các đơn vị

cấp nước trên địa bàn trong từng thời kỳ quyết định giá bán buôn, bán lẻ nước sạch sinh hoạt.”

Theo khoản 2 Điều 29 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, quy định: “*2. Đối với việc định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá và đang thực hiện trình tự, thủ tục định giá trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục định giá còn lại theo quy định của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn để ban hành văn bản định giá”.*

Từ những quy định nêu trên, Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp là cần thiết và phù hợp với quy định hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN:

1. Mục đích:

Quy định giá tiêu thụ nước sạch theo bậc thang nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng nước tiết kiệm; đồng thời khuyến khích các đơn vị cấp nước nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, giảm thất thoát, thất thu nước sạch, đáp ứng nhu cầu của khách hàng; thu hút đầu tư vào hoạt động sản xuất, phân phối nước sạch; tạo điều kiện để các đơn vị cấp nước duy trì, phát triển, nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Quan điểm chỉ đạo:

Giá nước sạch được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ trong quá trình khai thác, sản xuất, phân phối, tiêu thụ và có lợi nhuận; phù hợp với chất lượng nước, định mức kinh tế - kỹ thuật, quan hệ cung cầu về nước sạch, điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương, khu vực, thu nhập của người dân trong từng thời kỳ; hài hòa quyền, lợi ích hợp pháp của đơn vị cấp nước sạch (sau đây gọi là đơn vị cấp nước) và khách hàng sử dụng nước; khuyến khích khách hàng sử dụng nước tiết kiệm; khuyến khích các đơn vị cấp nước nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí, giảm thất thoát, thất thu nước sạch, đáp ứng nhu cầu của khách hàng; thu hút đầu tư vào hoạt động sản xuất, phân phối nước sạch.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN:

Trên cơ sở phương án giá nước đã điều chỉnh kèm theo Tờ trình số 247/TTr-CTN ngày 10/5/2024 của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang về việc rà soát phương án giá nước và dự kiến giá nước sạch năm 2024. Sở Tài chính đã tổ chức thẩm định và lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan. Qua đó, Sở Tài chính đã hoàn thiện Tờ trình, dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch

trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN:

1. Bố cục: Quyết định có 3 Điều.

- Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.
- Điều 2. Tổ chức thực hiện.
- Điều 3. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản:

2.1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.

a) Giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

TT	Khu vực (Nhóm khách hàng)	Mức tiêu thụ (m ³ /hộ/tháng)	Giá bán lẻ (đồng/m ³)
1. Thành Phố Phú Quốc			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	6.510
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	8.085
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.660
		Trên 30m ³	11.340
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	8.925
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	11.340
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	16.170
2. Thành phố Rạch Giá, Hà Tiên và huyện Kiên Lương			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.985
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	7.560
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.030
		Trên 30m ³	10.500
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường	Theo thực tế sử dụng	8.295

	học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)		
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	10.185
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	15.120

3. Các huyện còn lại

Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.145
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	6.510
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	7.770
		Trên 30m ³	9.030
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	7.140
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	9.030
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.285

b) Giá trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (5%), chi phí bảo trì, chi phí đấu nối (bao gồm đồng hồ nước và chi phí đường ống có khoảng cách tối đa 05 mét tính từ điểm đấu nối đến đồng hồ nước của khách hàng) có khoảng cách tối đa 05 mét tính từ điểm đấu nối đến đồng hồ nước của khách hàng.

c) Giá nước đối với một số trường hợp đặc thù được áp dụng như sau:

- Đối với hộ dân cư tiêu thụ nước sạch chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ hoặc đối với khu vực nông thôn, các hộ dân cư dùng chung bể nước tại các điểm tập trung (nhưng không qua trung gian quản lý, phân phối nước) thì áp dụng mức thu khoán theo mức tiêu thụ cho một người là 4 m³/tháng, đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư sử dụng là 16 m³/tháng theo giá bán lẻ cho hộ dân cư ở mức tiêu thụ từ trên 10 – 20 m³/đồng hồ/tháng.

- Trường hợp chủ nhà là bên mua nước sạch của đơn vị cấp nước để cung cấp cho các khách hàng là học sinh, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở thì cứ 04 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú) được tính là một hộ sử dụng nước,

số người lẻ ít hơn 04 người được tính là một hộ làm cơ sở áp giá nước theo giá hộ dân cư theo bậc thang cho các khách hàng sử dụng nước.

d) Thời gian thực hiện : Từ kỳ hóa đơn tháng 10/2024.

2.2. Tổ chức thực hiện:

a) Giao cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chủ động rà soát, trình điều chỉnh giá nước theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính.

b) Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố; các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giải thích, hướng dẫn để người tiêu dùng hiểu, đồng thuận và cùng hưởng ứng tham gia thực hiện tốt nội dung Quyết định này và các quy định của pháp luật về cấp nước.

c) Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế ban hành.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN:

Sau khi Sở Tài chính tiếp thu, tổng hợp các ý kiến đóng góp của các ngành, các cấp và đã chỉnh sửa lại, đến nay cơ bản các ý kiến điều thống nhất theo dự thảo Quyết định.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định quy định giá tiêu thụ nước sạch do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Tài chính xin kính trình Ủy ban Nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở (b/c);
- Lưu: VT, QLGCS.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày tháng 8 năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang
do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số ngày 19/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về
sản xuất và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về
việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày
11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính quy
định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính ban
hành phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định
giá.

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng về việc công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành
mạng cấp nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày
tháng 8 năm 2024 về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên
Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp, cụ thể như sau:

1. Giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang như sau:

TT	Khu vực (Nhóm khách hàng)	Mức tiêu thụ (m ³ /hộ/tháng)	Giá bán lẻ (đồng/m ³)
1. Thành Phố Phú Quốc			
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	6.510

		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	8.085
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.660
		Trên 30m ³	11.340
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	8.925
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	11.340
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	16.170

2. Thành phố Rạch Giá, Hà Tiên và huyện Kiên Lương

Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.985
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	7.560
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	9.030
		Trên 30m ³	10.500
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	8.295
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	10.185
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	15.120

3. Các huyện còn lại

Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 01m ³ đến 10m ³ đầu tiên	5.145
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	6.510
		Từ trên 20 m ³ đến 30m ³	7.770
		Trên 30m ³	9.030
Nhóm 2	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học; bệnh viện; cơ sở khám	Theo thực tế sử dụng	7.140

	chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)		
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	9.030
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.285

2. Giá trên chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (5%), chi phí bảo trì, chi phí đấu nối (bao gồm đồng hồ nước và chi phí đường ống có khoảng cách tối đa 05 mét tính từ điểm đấu nối đến đồng hồ nước của khách hàng) có khoảng cách tối đa 05 mét tính từ điểm đấu nối đến đồng hồ nước của khách hàng.

3. Giá nước đối với một số trường hợp đặc thù được áp dụng như sau:

- Đối với hộ dân cư tiêu thụ nước sạch chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ hoặc đối với khu vực nông thôn, các hộ dân cư dùng chung bể nước tại các điểm tập trung (nhưng không qua trung gian quản lý, phân phối nước) thì áp dụng mức thu khoán theo mức tiêu thụ cho một người là $4 \text{ m}^3/\text{tháng}$, đối với những địa phương không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư sử dụng là $16 \text{ m}^3/\text{tháng}$ theo giá bán lẻ cho hộ dân cư ở mức tiêu thụ từ trên $10 - 20 \text{ m}^3/\text{đồng hồ/tháng}$.

- Trường hợp chủ nhà là bên mua nước sạch của đơn vị cấp nước để cung cấp cho các khách hàng là học sinh, sinh viên và người lao động thuê nhà để ở thì cứ 04 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú) được tính là một hộ sử dụng nước, số người lẻ ít hơn 04 người được tính là một hộ làm cơ sở áp giá nước theo giá hộ dân cư theo bậc thang cho các khách hàng sử dụng nước.

4. Thời gian thực hiện : Từ kỳ hóa đơn tháng 10/2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao cho Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chủ động rà soát, trình điều chỉnh giá nước theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính.

2. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông; Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố; các sở, ngành có liên quan tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giải thích, hướng dẫn để người tiêu dùng hiểu, đồng thuận và cùng hưởng ứng tham gia thực hiện tốt nội dung Quyết định này và các quy định của pháp luật về cấp nước.

3. Giao Giám đốc Sở Y tế tổ chức thực hiện tăng cường công tác kiểm tra, đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống của Bộ Y tế ban hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang; Chủ tịch UBND các huyện và thành phố, Chủ tịch UBND các phường, thị trấn; Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Kiên Giang do Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cung cấp.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KTCN;
- Lưu: VT,

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**